TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 12 năm 2019
"*V/v: Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sáu.
2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên Krông Năng *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đăng Khoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H A M, sinh năm 1992 - có mặt.
Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
- Bị đơn: Anh Y J M, sinh năm 1994 - vắng mặt
Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H A M trình bày:*

Chị H A M và anh Y J M kết hôn vào ngày 07/4/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, hai người không có tiếng nói chung. Anh Y J M là người hay uống rượu, anh vô tâm không thông cảm cho công việc của chị H A M. Ngoài ra, anh Y J M thỉnh thoảng có đánh đập, xúc phạm chị, thời gian gần đây chị H A M phát hiện anh Y J M có quan hệ không trong sáng với người khác. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, chị và anh Y J M đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị H A M xin ly hôn với anh Y J M.

Trong quá trình chung sống giữa chị H A M và anh Y J M không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H A M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Y J M trình bày:*

Anh Y J M và chị H A M kết hôn vào ngày 07/4/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh Y J M về ở rể tại nhà chị H A M tại buôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 08/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H A M bỏ nhà ra đi 01 tuần không quan tâm, chăm sóc tới anh, dẫn tới anh bị tủi thân, bị sốt. Ngoài ra, anh Y J M có nghi ngờ và bắt gặp chị H A M có quan hệ không trong sáng với người khác.

Anh Y J M và chị H A M đã sống ly thân từ tháng 08/2018 đến nay. Sau khi phát sinh mâu thuẫn giữa anh Y J M và chị H A M có gặp nhau vài lần để hàn gắn tình cảm và được sự khuyên bảo, hòa giải của hai bên gia đình nhưng vẫn không có kết quả gì. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn, anh Y J M mong muốn hai bên gia đình gặp nhau để giải quyết nội bộ một số vấn đề có liên quan thì anh mới đồng ý ly hôn với chị H A M.

Trong quá trình chung sống giữa anh Y J M với chị H A M không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Anh Y J M không có yêu cầu phản tố, không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Phần tranh luận tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H A M chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự; Anh Y J M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H A M, xử:

Quan hệ hôn nhân: Cho chị H A M ly hôn với anh Y J M.

Về con chung: Các đương sự không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho nguyên đơn chị H A M vì chị là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H A M khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là vụ kiện *"Ly hôn"*.

Bị đơn là anh Y J M có nơi cư trú tại buôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Y J M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm gia việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Y J M.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào giấy kết hôn số 29/2016 ngày 07/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì có cơ sở xác định, quan hệ hôn nhân giữa chị H A M với anh Y J M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống cả hai đều thừa nhận do tính tình của vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống cũng như trong công việc, dẫn đến các bên phát sinh mâu thuẫn va chạm, mất lòng tin, nghi kỵ lẫn nhau, chị H A M và anh Y J M đã sống ly thân từ tháng 08/2018 đến nay. Chị H A M có đơn xin ly hôn nhưng anh Y J M không đồng ý vì chưa được hòa giải cơ sở, hai bên gia đình phải thỏa thuận được vấn đề nội bộ là không có cơ sở, bởi lẽ: Qua xác minh tại địa phương chị H A M và anh Y J M sinh sống thể hiện: Mâu thuẫn của chị H A M và anh Y J M là do tính tình hai vợ chồng không hợp, địa phương có tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả và các bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 08/2018 đến nay. Anh Y J M không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H A M khi được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H A M và anh Y J M đã quá trầm trọng, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, việc yêu cầu ly hôn của chị H A M là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống giữa chị H A M với anh Y J M không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

[3.4] *Về án phí*: Chị H A M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị H A M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều

271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H A M.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H A M được ly hôn với anh Y J M.

- *Về con chung*: Các đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị H A M.

Hoàn trả cho chị H A M số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số AA/2017/0014983 ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND xã E;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng